

Số: 1580 /SNV-CCHC  
V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm  
công tác CCHC cấp xã năm 2023

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh về việc Quy định đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính (CCHC) tại UBND các xã, phường, thị trấn (cấp xã); Sở Nội vụ hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC năm 2023 đối với UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh, như sau:

### **1. Về nội dung, tiêu chí đánh giá:**

Nội dung đánh giá là Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác số CCHC cấp xã tại Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh về Quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại UBND cấp xã.

### **2. Về tự đánh giá, chấm điểm và xây dựng báo cáo:**

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của UBND cấp xã thực hiện dựa trên hướng dẫn tại **Phụ lục** kèm theo Công văn này;

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm công tác CCHC cấp xã phải được Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt và gửi về Sở Nội vụ (qua Trang thông tin điều hành tác nghiệp) và trên Phần mềm đánh giá, xếp loại công tác CCHC cấp xã, gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của địa phương;

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm công tác CCHC cấp xã năm 2023 (được trích xuất từ phần mềm sau khi hoàn thành xong quá trình tự đánh giá, chấm điểm).

### **3. Về nhập dữ liệu báo cáo trên phần mềm đánh giá, xếp loại công tác CCHC cấp xã (có tài liệu hướng dẫn ban hành kèm theo):**

UBND cấp xã tiến hành nhập dữ liệu báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các tài liệu kiểm chứng, nội dung giải trình vào phần mềm quản lý chấm điểm theo các bước sau:

- Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm, phân công tự đánh giá

Lãnh đạo UBND cấp xã được phân công phê duyệt báo cáo đăng nhập bằng tài khoản SSO của cá nhân để vào phần mềm tự đánh giá, chấm điểm công tác CCHC tại UBND cấp xã của theo địa chỉ <https://danhiacchccapxa.thuathienhue.gov.vn>.

Tiến hành phân công cho công chức của UBND cấp xã thực hiện tự đánh giá, chấm điểm đối với các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần trên phần mềm (*tài khoản SSO của cá nhân*).

- Bước 2: Nhập dữ liệu kết quả

Các công chức được phân công tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm file tài liệu kiểm chứng, giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

Việc giải trình phải được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, rõ ràng đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần; trong đó, yêu cầu chỉ dẫn rõ các minh chứng chấm điểm tại các tài liệu kiểm chứng đính kèm. Nếu công chức không giải trình đầy đủ thì phần mềm không cho phép thực hiện thao tác **Hoàn thành**.

- Bước 3: Rà soát kết quả

Sau khi các công chức được phân công hoàn thành việc nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm. Lãnh đạo UBND cấp xã được phân công phê duyệt báo cáo rà soát lại, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần phải đầy đủ, đúng nội dung.

- Bước 4: Gửi kết quả

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần, Lãnh đạo UBND cấp xã được phân công phê duyệt báo cáo tiến hành đính kèm lên phần mềm Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC năm 2023 được xuất từ phần mềm Quản lý chấm điểm chỉ số CCHC, có chữ ký số và quá trình tự đánh giá, chấm điểm được kết thúc bằng nút “**Gửi báo cáo**”.

Để được phân quyền trên phần mềm, đề nghị các UBND cấp xã đăng ký Danh sách 01 lãnh đạo UBND cấp xã thực hiện việc phân quyền, phê duyệt báo cáo tự chấm điểm công tác CCHC năm 2023 của địa phương mình gửi về Sở Nội vụ và qua hộp thư điện tử: [ndvminh.snv@thuathienhue.gov.vn](mailto:ndvminh.snv@thuathienhue.gov.vn) trước **ngày 11/9/2023** để cập nhật trên hệ thống, theo biểu mẫu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tài khoản SSO	Số điện thoại sử dụng zalo	Quyền
1					- Phân quyền cập nhật báo cáo; - Phê duyệt báo cáo.

Nếu các UBND cấp xã không báo cáo danh sách theo yêu cầu thì Hội đồng thẩm định không chịu trách nhiệm về sự chậm trễ trong quá trình cập nhật, phê duyệt báo cáo tự đánh giá của địa phương.

#### **4. Về nguyên tắc, cách thức đánh giá:**

- Việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC cấp xã năm 2023 được thực hiện một lần vào cuối năm. Tổng điểm đánh giá của UBND cấp xã bằng tổng điểm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong năm có phát sinh nhiệm vụ.

- Việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC cấp xã năm 2023 do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định, công bố trên cơ sở kết quả thẩm định, đề xuất của Hội đồng thẩm định.

## 5. Về tài liệu kiểm chứng:

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của UBND cấp xã phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Ngoài các tài liệu kiểm chứng đã được hướng dẫn, liệt kê tại Phụ lục gửi kèm, UBND cấp xã có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Các file điện tử của tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải có chữ ký số; trường hợp tài liệu bị lỗi chữ ký số thì cho phép sử dụng bản scan của văn bản theo định dạng pdf; kể cả các bảng biểu, phụ lục số liệu kèm theo đều phải lưu bằng định dạng pdf, có đóng dấu treo, dấu giáp lai theo quy định. Các tài liệu được gửi dưới dạng word hoặc excel đều không có giá trị để tính điểm (trừ các bảng, biểu mẫu theo yêu cầu).

- Về nội dung, giải trình tài liệu kiểm chứng phải thể hiện rõ các thông tin, số liệu để chấm điểm cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Về hình thức, tài liệu kiểm chứng phải được số hóa, phân thành từng mục cụ thể, rõ ràng tương ứng với từng tiêu chí chấm điểm; cách thức đặt tên file tài liệu kiểm chứng được mã hóa như sau: Mã tiêu chí/TCTP\_số, ký hiệu văn bản\_tên trích yếu văn bản.

Ví dụ: tại tiêu chí 2.3 có tài liệu kiểm chứng là Báo cáo số 25/BC-UBND về công tác CCHC quý I/2023 thì tên file tài liệu được đặt thành: **2.3\_so 25BC-UBND\_BC CCHC quý I.2023**; nếu có Phụ lục 1 về số văn bản QPPL kèm theo báo cáo CCHC thì lưu tên file thành: **2.3\_so 25BC-UBND\_ Phụ lục 1 so van ban QPPL...** Trường hợp 01 tài liệu kiểm chứng sử dụng cho nhiều tiêu chí khác nhau thì phải copy thành nhiều file và số hóa tên file tương tự như trên.

- Lưu ý:

+ Không được sử dụng file nén (rar, zip...) khi gửi tài liệu kiểm chứng trên phần mềm; chỉ sử dụng file pdf hoặc file ảnh. Nếu các địa phương gửi file tài liệu kiểm chứng không đúng yêu cầu thì Hội đồng thẩm định sẽ không chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần đó và gửi trả lại để thực hiện đánh giá bổ sung (nếu có).

+ Đối với các tài liệu kiểm chứng yêu cầu báo cáo năm nhưng đến thời điểm tự đánh giá chưa đến kỳ báo cáo theo quy định thì sử dụng báo cáo của năm trước liền kề.

## 6. Thời gian thực hiện tự đánh giá:

Thời gian thực hiện báo cáo tự đánh giá, chấm điểm **từ 8 giờ ngày 14/9/2023 đến 17 giờ ngày 05/10/2023**. Sau thời gian quy định, phần mềm sẽ tự động khóa.

Thời gian thực hiện báo cáo bổ sung (nếu có): Sẽ do Sở Nội vụ thông báo cụ thể sau đến các địa phương qua phần mềm đánh giá, địa chỉ email công vụ của lãnh đạo UBND cấp xã, Zalo và trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về tự đánh giá, chấm điểm để xác định

Chỉ số CCHC năm 2023 của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ (ông Lê Minh Cường, Trưởng phòng CCHC, số điện thoại: 085.460.2467; ông Trần Minh Phương, Phó Trưởng phòng CCHC, số điện thoại: 090.593.9281; ông Nguyễn Đình Vũ Minh, chuyên viên Phòng CCHC, số điện thoại: 093.535.3054) để được giải đáp, hướng dẫn cụ thể. Các văn bản hướng dẫn và Phụ lục đính kèm được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tại địa chỉ: [www.snv.thuathienhue.gov.vn](http://www.snv.thuathienhue.gov.vn).

Sở Nội vụ đề nghị UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh quan tâm, tổ chức triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Minh Long**

**Phụ lục**

**HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÔNG TÁC CCHC CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2023**

*Ban hành kèm theo Công văn số: ..... SNV-CCHC ngày ... /9/2023 của Sở Nội vụ*

<b>TT</b>	<b>TC</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Cách chấm điểm</b>	<b>Yêu cầu Tài liệu kiểm chứng</b>	<b>Điểm chuẩn</b>
1	1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	<b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch đạt theo yêu cầu là đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo quy định hiện hành của UBND cấp huyện. Nếu chưa có quy định thì áp dụng ban hành kế hoạch trong 15 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch CCHC, nội dung kế hoạch theo cấu trúc của KH của UBND cấp huyện. Nếu: - Kế hoạch đầy đủ nội dung, đúng thời gian thì điểm đánh giá là 1 điểm; - Không ban hành Kế hoạch hoặc Kế hoạch không đạt yêu cầu hướng dẫn của cơ quan cấp trên (chưa đầy đủ nội dung hoặc chưa đúng thời gian) thì điểm đánh giá là 0 điểm	- Kế hoạch CCHC năm 2023; - Kế hoạch CCHC năm 2023 của UBND cấp huyện hoặc Công văn hướng dẫn.	1
2	1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	<b>Yêu cầu:</b> Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm đánh giá, các địa phương xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % số nhiệm vụ đã hoàn thành, so với tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch tính đến thời điểm đánh giá. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo: (tỷ lệ hoàn thành x 1)/100% - Nếu dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch CCHC năm 2023; - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch, nêu rõ số lượng nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả đã hoàn thành so với Kế hoạch.	1

3	1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	<p><b>Yêu cầu:</b> Báo cáo đạt yêu cầu phải đảm bảo: Đúng nội dung và đúng thời gian theo quy định của UBND cấp huyện. Nếu chưa có quy định thì áp dụng báo cáo trước 10 ngày kể từ ngày UBND huyện báo cáo, nội dung báo cáo theo cấu trúc của báo cáo của UBND cấp huyện. Nếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1;</li> <li>- Thiếu mỗi báo cáo/báo cáo không đạt yêu cầu hoặc không có phụ lục bị trừ 0,25 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC quý I, III, 6 tháng năm 2023; Báo cáo CCHC Quý IV năm 2022 (có phụ lục kèm theo);</li> <li>- Công văn hướng dẫn báo cáo của UBND cấp huyện (nếu có).</li> </ul>	1
4	1.3.1	Kiểm tra, giám sát công tác CCHC	<p><b>Yêu cầu:</b> Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức đoàn thể cấp xã thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác CCHC tại địa phương. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã có kiểm tra thì điểm đánh giá là 0,5; Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> <li>- Đảng ủy hoặc HĐND hoặc các tổ chức đoàn thể có kiểm tra, giám sát thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm;</li> </ul>	<p>Kế hoạch, thông báo hoặc biên bản kiểm tra, giám sát công tác CCHC của UBND cấp xã; Đảng ủy hoặc HĐND hoặc các tổ chức đoàn thể</p>	1
5	1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê số lượng kiến nghị qua kiểm tra yêu cầu xử lý; số lượng kiến nghị đã được các đơn vị xử lý. Tính tỷ lệ số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá tính theo công thức (Tỷ lệ % số vấn đề phát hiện được xử lý x 1)/100%</li> <li>- Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0</li> </ul> <p>* Đối với các địa phương không tiến hành kiểm tra thì điểm đánh giá tiêu chí này là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản, thông báo kết luận sau kiểm tra;</li> <li>- Báo cáo việc khắc phục kết luận sau kiểm tra của cấp xã;</li> <li>- Báo cáo kết quả kiểm tra với UBND cấp huyện (nếu có)</li> </ul>	1

6	1.4.1	Tuyên truyền trong cán bộ, công chức	<p><b>Yêu cầu:</b> Tổ chức tuyên truyền về công tác CCHC cho cán bộ, công chức của địa phương. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức đánh giá tổng kết về thực hiện công tác CCHC của địa phương hàng năm (có thể lồng ghép với Hội nghị khác) thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; Không tổ chức: 0 điểm;</li> <li>- Có tuyên truyền nội dung CCHC trên trang Thông tin điện tử của đơn vị thì điểm đánh giá là 0,5; không tuyên truyền thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời, chương trình hoặc hình ảnh tổ chức hội nghị năm 2022 (có thể lồng ghép với nội dung khác tại hội nghị);</li> <li>- Đường dẫn Trang thông tin điện tử của địa phương về tuyên truyền nội dung CCHC</li> </ul>	1
7	1.4.2	Tham gia Hội thi tìm hiểu công tác CCHC của tỉnh	<p><b>Yêu cầu:</b> CBCC tham gia Hội thi tìm hiểu công tác CCHC của tỉnh. Tính tỷ lệ CBCC tham gia Hội thi, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các đợt thi tìm hiểu công tác CCHC của tỉnh: 1;</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các đợt thi tìm hiểu công tác CCHC của tỉnh thì điểm đánh giá tính theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ \% CBCC tham dự thi} \times 0,75)/100\%</math>;</li> <li>- Dưới 90% cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các đợt thi tìm hiểu công tác CCHC của tỉnh: 0</li> </ul>	Theo kết quả của Ban tổ chức Hội thi	1

8	1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	<p><b>Yêu cầu:</b> Các sáng kiến hoặc giải pháp trong CCHC đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Được Hội đồng thi đua khen thưởng/Hội đồng sáng kiến cấp huyện công nhận hoặc cho phép thí điểm; trường hợp sáng kiến hoặc giải pháp chưa được phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành thì vẫn được xem xét, công nhận;</li> <li>+ Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC.</li> <li>+ Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.</li> </ul> <p>Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có từ 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>+ Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đề tài, sáng kiến của đơn vị đã được phê duyệt năm 2022;</li> <li>- Đối với các sáng kiến chưa được phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả cần giải trình cụ thể các hiệu quả mang lại.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Phòng Nội vụ.</li> </ul>	1
9	1.6	Thực hiện theo Ý kiến chỉ đạo của UBND cấp huyện	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ so với số nhiệm vụ do UBND cấp huyện giao đến thời điểm đánh giá. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao trong năm thì được tính 2 điểm;</li> <li>- Hoàn thành từ 80% - dưới 100% số nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá tính theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành nhiệm vụ} \times 1,5)/100\%</math></li> <li>- Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập bảng thống kê nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện giao trong thời gian từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023 (trừ các nhiệm vụ đang trong thời gian thực hiện) (Thứ tự, nội dung nhiệm vụ được giao, yêu cầu thời gian thực hiện, số hiệu văn bản đã hoàn thành, thời gian đã hoàn thành, ghi chú);</li> <li>- Các văn bản đã hoàn thành.</li> <li>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ cấp huyện.</li> </ul>	2



10	2.1.1	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình THPL	<p><b>- Yêu cầu:</b> Các cơ quan ban hành kế hoạch theo dõi THPL đảm bảo thời gian theo quy định. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'-Ban hành Kế hoạch đầy đủ trước ngày 15/01 thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>- Ban hành Kế hoạch đầy đủ sau ngày 15/01 thì điểm đánh giá là 0,5 điểm;</li> <li>- Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm.</li> </ul>	Kế hoạch theo dõi tình hình THPL năm 2023	1
11	2.1.2	Điều tra, khảo sát tình hình THPL	<p><b>- Yêu cầu:</b> Cơ quan tiến hành điều tra, khảo sát THPL. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'-Có tổ chức điều tra, khảo sát thì điểm đánh giá là: 0,5 điểm;</li> <li>- Không tổ chức, điều tra khảo sát: 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án điều tra, khảo sát;</li> <li>Phiếu điều tra, khảo sát;</li> <li>- Báo cáo kết quả việc thực hiện điều tra, khảo sát năm 2022.</li> </ul>	0,5
12	2.1.3	Báo cáo công tác theo dõi tình hình THPL	<p><b>- Yêu cầu:</b> Cơ quan ban hành báo cáo theo dõi THPL đảm bảo chất lượng và thời gian. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Ban hành Báo cáo trước ngày 15/11 và có số liệu đầy đủ theo quy định, thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>- Ban hành Báo cáo sau ngày 15/11 hoặc số liệu không đầy đủ theo quy định, thì điểm đánh giá là 0,5 điểm;</li> <li>- Không có Báo cáo: 0 điểm.</li> </ul>	Báo cáo công tác theo dõi tình hình THPL năm 2022	1
13	2.2	Thực hiện công bố văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện công bố văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố chậm nhất đến ngày 31 tháng 01 hàng năm: 0,5;</li> <li>- Công bố sau ngày 31 tháng 01 hàng năm: 0,25;</li> <li>- Không công bố: 0 điểm.</li> </ul>	Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của địa phương.	0,5
14	2.3.1	Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	<p><b>Yêu cầu:</b> Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại đơn vị. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện kiểm tra, rà soát thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Không thực hiện kiểm tra, rà soát: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL hoặc các văn bản có liên quan đến kiểm tra, rà soát văn bản QPPL</li> </ul>	0,5

15	2.3.2	Xử lý văn bản QPPL trái pháp luật sau kiểm tra, rà soát	<p><b>- Yêu cầu:</b> Các văn bản sau khi được rà soát nếu phát hiện không phù hợp thì phải xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu đã xử lý hoặc tham mưu xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>' - Đầy đủ, đúng thời gian thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>- Có xử lý nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian thì điểm đánh giá là 0,5 điểm;</li> <li>- Không xử lý thì điểm đánh giá là 0 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về công tác rà soát văn bản QPPL của năm 2022;</li> <li>- Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát (nếu có);</li> <li>- Các văn bản do UBND cấp huyện ban hành, để xử lý các kiến nghị sau rà soát (nếu có).</li> </ul>	0,5
16	2.4	Báo cáo năm về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại địa phương	<p><b>- Yêu cầu:</b> Báo cáo năm về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại địa phương. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>' - Có báo cáo đảm bảo thời gian và nội dung theo quy định: 0,5</li> <li>- Không đảm bảo thời gian hoặc nội dung theo quy định: 0</li> </ul>	Báo cáo năm 2022 về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại địa phương.	0,5
17	3.1.1	Niêm yết, công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của địa phương	<p><b>Yêu cầu:</b> Niêm yết, công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của địa phương: Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định: 1;</li> <li>- Từ 95% - dưới 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0,5;</li> <li>- Dưới 95% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo quý I, II, III/2023; quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</li> <li>- Cung cấp hình ảnh của Bảng niêm yết của cấp xã.</li> <li>- Đường dẫn Trang thông tin điện tử của đơn vị thể hiện công khai TTHC.</li> </ul>	1

18	3.1.2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hồ sơ TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định: 1;</li> <li>- Dưới 100% hồ sơ TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định: 0.</li> </ul>	Cung cấp hình ảnh, đường dẫn công khai tiến độ trên trang thông tin điện tử của địa phương tính đến ngày 15/9/2023.	1
19	3.2.1	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả so với TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và trả kết quả của cấp xã. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa: 1;</li> <li>- Từ 95% - dưới 100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa: 0,5;</li> <li>- Dưới 95% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì nội dung này: 0</li> </ul>	Báo cáo quý I, II, III/2023 và quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	1
20	3.2.2	Tiếp nhận thành phần hồ sơ theo quy định của TTHC	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện việc tiếp nhận thành phần hồ sơ theo quy định của TTHC; không tiếp nhận dư hoặc thiếu thành phần hồ sơ. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận đầy đủ thành phần theo quy định: 1;</li> <li>- Có hồ sơ TTHC được tiếp nhận dư thành phần hoặc thiếu thành phần nhưng không sử dụng phiếu đề nghị bổ sung theo quy định hoặc có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức, báo chí hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện tiếp nhận thành phần hồ sơ không đúng quy định thì điểm đánh giá: 0</li> </ul>	Báo cáo quý I, II, III/2023 và Quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.	1

21	3.2.3	Cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC trên Hệ thống Một cửa điện tử của UBND cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Hồ sơ giải quyết TTHC phải được cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử của UBND cấp xã. Tính tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận thực tế và số hồ sơ cập nhật trên Hệ thống. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số lượng hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý thực tế được nhập trên Hệ thống: 1;</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% số lượng hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý thực tế được nhập trên Hệ thống thì điểm đánh giá tính theo công thức (Tỷ lệ % số lượng hồ sơ x 0,75)/100%;</li> <li>- Dưới 90% số lượng hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý thực tế được nhập trên Hệ thống: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo quý I, II, III/2023 và Quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</li> <li>- Tổng hợp số liệu hồ sơ TTHC được giải quyết thực tế và số liệu hồ sơ cập nhật trên Hệ thống một cửa điện tử từ ngày 15/9/2022-15/9/2023.</li> </ul>	1
22	3.3	TTHC được cập nhật và thiết lập đúng theo quy trình điện tử trên phần mềm	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % TTHC được cập nhật và thiết lập đúng theo quy trình điện tử trên phần mềm. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% TTHC được thiết lập đúng quy trình: 1</li> <li>- Từ 95 % - dưới 100% TTHC được thiết lập đúng quy trình: 0,5;</li> <li>- Dưới 95% TTHC được thiết lập đúng: 0</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Không trừ điểm đối với TTHC khi cấu hình điện tử có nhiều mốc thời gian hoặc áp dụng cho nhiều đơn vị; nhiều mức phí, lệ phí áp dụng cho nhiều địa phương; Các trường hợp thiết lập quy trình điện tử áp dụng cho nhiều đơn vị cấu hình thời gian tiếp nhận ít hơn thời gian đã công khai trên Trang TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê tại thời điểm ngày 15/9/2023 trên phần mềm Dịch vụ công của tỉnh;</li> <li>- Theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.</li> </ul>	1

23	3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn, trước hạn so với số hồ sơ đã được giải quyết, nêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn, trước hạn;</li> <li>- Từ 95 % - dưới 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn, trước hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn, trước hạn x 2)/100%;</li> <li>- Dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số hồ sơ đã được giải quyết; Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn, trước hạn trong thời gian từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023;</li> <li>- Báo cáo quý I, II, III/2023 và quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;</li> <li>- Hình ảnh thống kê tại trang thông tin điện tử cấp xã hoặc trên phần mềm;</li> <li>- Kết quả theo dõi của UBND cấp huyện.</li> </ul>	2
----	-------	--	---	---	---

24	3.4.2	Thực hiện lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã): 1;</li> <li>- Không triển khai đầy đủ các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã), thiếu mỗi cách thức sẽ bị trừ 0,5 điểm</li> </ul>	<p>Báo cáo quý I, II, III/2023 và quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Hình ảnh niêm yết công khai kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân.</p>	1
25	3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC hành chính có xin lỗi so với số hồ sơ TTHC trễ hạn. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- 100% số hồ sơ TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1,5</li> <li>- Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1;</li> <li>- Dưới 95% số hồ sơ TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hồ sơ đã được xin lỗi; Số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn trong thời gian từ ngày 15/9/2022-15/9/2023;</li> <li>- Một số văn bản xin lỗi có chữ ký số.</li> </ul>	1,5

26	3.4.4	Thực hiện cập nhật, số hóa trên phần mềm	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện cập nhật, số hóa trên phần mềm dịch vụ công của địa phương. Tính tỷ lệ số hồ sơ đã số hóa so với số hồ sơ đã giải quyết. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm: 1;</li> <li>- Từ 95% - dưới 100% hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm: 0,5;</li> <li>- Dưới 95% hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm trong thời gian từ 15/9/2022-15/9/2023.</li> <li>- Báo cáo quý I, II, III/2023 và quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</li> <li>- Hình ảnh thống kê trên phần mềm.</li> </ul>	1
27	3.5.1	Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầy đủ thông tin theo quy định: 0,5;</li> <li>- Không đầy đủ thông tin theo quy định: 0.</li> </ul>	Cung cấp hình ảnh niêm yết tại Bảng niêm yết và đường dẫn niêm yết trên trang thông tin điện tử của địa phương.	0,5

28	3.5.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, TTHC	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, so với tổng số PAKN phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý trong năm đánh giá thuộc thẩm quyền xử lý của UBND cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý và đảm bảo thời gian theo yêu cầu: 1</li> <li>- 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng có phản ánh, kiến nghị xử lý chậm: 0,5</li> <li>- Có phản ánh, kiến nghị không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý: 0</li> </ul> <p>Nếu trong năm không có PAKN của người dân thì chấm điểm tối đa với tiêu chí này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê từ ngày 15/9/2022-15/9/2023 (theo Biểu II.05b/VPCP/KSTT);</li> <li>- Báo cáo quý I, II, III/2023; quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</li> </ul>	1
29	3.5.3	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính, TTHC thuộc thẩm quyền	<p><b>Yêu cầu:</b> Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính, TTHC thuộc thẩm quyền, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,5;</li> <li>- Vẫn còn phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời nhưng chưa công khai theo quy định: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo quý I, II, III công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm hiện hành và Báo cáo năm 2022.</li> <li>- Một số hình ảnh liên quan.</li> </ul>	0,5
30	3.6	Thực hiện báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo định kỳ công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng thời gian và nội dung quy định: 1;</li> <li>- Thiếu mỗi báo cáo hoặc mỗi báo cáo không đạt yêu cầu bị trừ 0,25 điểm</li> </ul>	<p>Báo cáo quý I, II, III/2023; quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</p>	1



31	4.1	Thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Ban hành quy chế làm việc và thực hiện đúng quy chế làm việc của UBND cấp xã. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>' -Thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0 thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế làm việc của UBND cấp xã.</li> <li>- File ảnh minh họa.</li> </ul>	0,5
32	4.2	Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Địa phương ban hành Quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở cấp xã thực hiện đúng quy định về quy chế dân chủ và dân vận chính quyền. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>' - Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; Không có ban hành và thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm;</li> <li>- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền tại địa phương thì điểm đánh giá là 0,5; Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm;</li> <li>- Thực hiện đầy đủ các quy định về tiếp công dân thì điểm đánh giá là 0,5; Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế dân chủ của địa phương;</li> <li>- Báo cáo năm thực hiện quy chế dân chủ của năm 2022;</li> <li>- Báo cáo năm thực hiện công tác dân vận chính quyền của năm 2022;</li> <li>- Lịch tiếp công dân; Quy chế tiếp công dân của địa phương.</li> </ul>	1,5
33	4.3	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại UBND cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện đúng quy định về số người làm việc theo định biên được giao. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>' - Sử dụng không vượt quá số định biên được giao thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>- Sử dụng quá số lượng định biên được giao hoặc sử dụng hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong UBND cấp xã thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>Báo cáo số lượng cán bộ, công chức theo định biên được giao tại địa phương theo các biểu mẫu số: 0202.N/BNV-CBCCVC của Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018 của Bộ Nội vụ.</p>	1
34	5.1.1	Công chức chuyên môn được bố trí theo	<p><b>Yêu cầu:</b> Bố trí công chức chuyên môn theo đúng vị trí chức danh. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>' - Bố trí đúng quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>- Bố trí không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo vị trí việc làm đối với công chức cấp xã.;</li> <li>- Danh sách trích ngang công</li> </ul>	1

		đúng vị trí chức danh		chức cấp xã có mặt đến ngày 15/9/2023.	
35	5.1.2	Tỷ lệ đạt chuẩn công chức cấp xã	Tính tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn, nếu: - 100% công chức đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 1,5 điểm; - Từ 90% - dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1; - Dưới 90% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0	- Báo cáo số lượng, chất lượng công chức cấp xã đến ngày 15/9/2023; - Danh sách trích ngang công chức cấp xã; - Kết quả theo dõi Phòng Nội vụ.	1,5
36	5.1.3	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Tính tỷ lệ % chất lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn, nếu: - 100% cán bộ đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 1,5 điểm; - Từ 90% - dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1; - Dưới 90% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.	- Báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ cấp xã đến ngày 15/9/2023; - Danh sách trích ngang cán bộ cấp xã; - Kết quả theo dõi Phòng Nội vụ.	1,5
37	5.1.4	Về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	<b>Yêu cầu:</b> Thực hiện quản lý số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo đúng quy định. Nếu: '- Bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đến ngày 15/9/2023 theo các chức danh; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.	1
38	5.2.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	<b>Yêu cầu:</b> Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức cấp xã theo đúng trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của tỉnh, huyện. Nếu: '- Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh là 1,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định: 0	- Báo cáo đánh giá phân loại CBCC năm 2022; kết quả đánh giá CBCC quý I, II, III năm 2023; - Quyết định đánh giá, phân	1,5

				loại cán bộ, công chức năm 2022.	
39	5.2.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	<p><b>Yêu cầu:</b> Trong năm, căn cứ các tài liệu chứng minh các hình thức kỷ luật, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật thì điểm đánh giá là 2 điểm;</li> <li>- Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật ở mức khiển trách thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình xử lý kỷ luật CBCC cấp xã từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023 theo biểu mẫu 0206.N/BNV-CB ban hành kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BNV ngày 6/3/2018 của Bộ Nội vụ.</li> <li>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.</li> </ul>	2
40	5.2.3	Cập nhật thông tin cán bộ, công chức vào phần mềm "Quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh"	<p><b>Yêu cầu:</b> Cán bộ, công chức cấp xã thường xuyên thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ vào phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh. Tính tỷ lệ CBCC cập nhật hồ sơ từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023, nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Từ 90% - 100% cán bộ, công chức cập nhật thông tin vào phần mềm thì điểm đánh giá là 1</li> <li>- Dưới 90% cán bộ, công chức cập nhật thông tin vào phần mềm thì điểm đánh giá: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>'- Báo cáo công tác quản lý hồ sơ CBCC năm 2023;</li> <li>- Tình hình thực hiện cập nhật hồ sơ CBCC trên phần mềm (một số hình ảnh);</li> <li>- Kết quả theo dõi Sở Nội vụ.</li> </ul>	1

41	5.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % CBCC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức so với tổng số CBCC phải tham dự theo yêu cầu. Nếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có từ 80% - 100% cán bộ, công chức thuộc đối tượng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo thì điểm đánh giá tính theo công thức <math>(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 0.5)/100\%</math>;</li> <li>- Dưới 80% cán bộ, công chức thuộc đối tượng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn của cấp có thẩm quyền về cử CBCC tham gia đào tạo, bồi dưỡng;</li> <li>- Công văn của UBND cấp xã cử CBCC tham gia đào tạo, bồi dưỡng;</li> <li>- Thống kê số lượng CBCC được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng và số lượng CBCC đã tham gia các lớp từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023</li> <li>- Một số Quyết định hoặc văn bản cử đi đào tạo, bồi dưỡng.</li> </ul>	0,5
42	6.1.1	Thực hiện chế độ công khai quyết toán ngân sách theo quy định	<p><b>Yêu cầu:</b> Hằng năm cơ quan có thẩm quyền sẽ có thông báo thời gian nộp báo cáo để làm căn cứ đánh giá tính kịp thời. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai đảm bảo thời gian quy định thì điểm đánh giá là 1</li> <li>- Có công khai nhưng không đảm bảo thời gian quy định thì điểm đánh giá là 0,25.</li> <li>- Không công khai thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của UBND cấp xã về công khai quyết toán ngân sách cấp xã năm 2022;</li> <li>- Hình ảnh công khai.</li> </ul>	1
43	6.1.2	Hồ sơ quyết toán đảm bảo	<p><b>Yêu cầu:</b> Sau khi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, gửi hồ sơ về Phòng Tài chính thẩm định. Dựa vào thông báo thẩm tra của Phòng Tài chính để đánh giá. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng nội dung, đầy đủ mẫu biểu và đảm bảo thời gian quy định: 1</li> <li>- Đúng nội dung, đầy đủ mẫu biểu nhưng không đảm bảo thời gian quy định: 0,5</li> <li>- Không đúng nội dung, mẫu biểu hoặc thời gian quy định hoặc cả hai: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo thẩm tra quyết toán năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.</li> <li>- Kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch.</li> </ul>	1

44	6.2.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số tiền NSNN đã giải ngân so với tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo kế hoạch tại thời điểm đánh giá. Nếu tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là 2 điểm;</li> <li>- Đạt tỷ lệ giải ngân từ 50% - dưới 70% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là 1</li> <li>- Đạt dưới 50% so với kế hoạch được giao: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giải ngân đầu tư vốn ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023;</li> <li>- Kết quả theo dõi của UBND cấp huyện.</li> </ul>	2
45	6.2.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được cơ quan Tài chính, Thanh tra, Kiểm toán hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại địa phương trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2023 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2021, 2022). Tính tỷ lệ số tiền đã nộp vào NSNN, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì điểm đánh giá là: 1 điểm;</li> <li>- Từ 80 - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện thì điểm đánh giá là 0,5 điểm;</li> <li>- Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện thì điểm đánh giá là : 0 điểm;</li> </ul> <p>Nếu năm 2021, 2022 không có thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì chấm điểm không phát sinh đối với nhiệm vụ này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương của năm 2021, 2022;</li> <li>- Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của địa phương;</li> <li>- Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp vào NSNN theo kiến nghị.</li> </ul>	1

46	6.3.1	Báo cáo kết quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện báo cáo kết quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định của có thẩm quyền. Nếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có báo cáo theo đúng thời gian quy định của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1,5;</li> <li>- Có báo cáo nhưng không đúng thời gian quy định của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không có báo cáo thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo UBND cấp xã về thực hiện hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP trên địa bàn cấp xã của năm 2022.	1,5
47	6.3.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 1.0;</li> <li>- Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0.</li> </ul>	Báo cáo tình hình thực hiện NĐ 130/2005/NĐ-CP của năm 2022; Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có)	1
48	6.4.1	Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ	<p><b>Yêu cầu:</b> Có xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại địa phương. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng quy định: 1;</li> <li>- Có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ nhưng thực hiện chưa đảm bảo đúng quy định: 0,5;</li> <li>- Chưa ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: 0</li> </ul>	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong năm 2023	1
49	6.4.2	Xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	<p><b>Yêu cầu:</b> Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Không ban hành thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý hoặc lồng ghép trong quy chế chi tiêu nội bộ trong năm 2023	0,5

50	7.1.1	Kế hoạch Ứng dụng CNTT	<b>Yêu cầu:</b> - Có ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT đảm bảo theo quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành chậm, chất lượng hạn chế thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2023	1
51	7.1.2	Ban hành kế hoạch và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết TTHC	<b>Yêu cầu:</b> - Có ban hành Kế hoạch và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết TTHC thì điểm đánh giá là 1; - Không ban hành Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch triển khai việc số hóa kết quả giải quyết TTHC hoặc lồng ghép trong Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2023; - Số liệu về số hóa hồ sơ TTHC trên hệ thống từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023; - Kết quả theo dõi của Trung tâm HCC cấp huyện	1
52	7.1.3	Chuyên mục Chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của đơn vị	<b>Yêu cầu:</b> - Có Chuyên mục Chuyển đổi số và có bài viết trên trang thông tin điện tử của đơn vị thì điểm đánh giá là 1; - Có chuyên mục nhưng không có bài viết được cập nhật trong năm đánh giá: 0,5; - Không có trang chuyên mục thì điểm đánh giá: 0.	Đường dẫn thể hiện Chuyên mục Chuyển đổi số và các bài viết trên trang thông tin điện tử của đơn vị trong năm 2023	1

53	7.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê số hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4; Thống kê số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và TKQ tại đơn vị. Tính tỷ lệ % số hồ sơ xử lý trực tuyến mức 3, 4 so với tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và TKQ tại đơn vị; Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20% số hồ sơ TTHC được xử lý mức độ 3, 4 trở lên: 1,5;</li> <li>- Dưới 20% số hồ sơ TTHC được xử lý mức độ 3, 4 thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1,5)/20\%</math></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo quý I, II, III/2023; quý IV/2022 công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</li> <li>' - Số liệu hệ thống kê từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023;</li> </ul>	1,5
54	7.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI; Thống kê tổng hồ sơ tiếp nhận của đơn vị tại Bộ phận Một cửa cấp xã. Tính tỷ lệ % số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng hồ sơ tiếp nhận của đơn vị tại Bộ phận Một cửa cấp xã; Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5;</li> <li>- Từ 5% - dưới 10% số hồ sơ: 0.25;</li> <li>- Dưới 5% số hồ sơ: 0.</li> </ul>	Số liệu trên hệ thống phần mềm dịch vụ công từ ngày 15/9/2022-15/9/2023;	0,5
55	7.3.2	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI; Thống kê tổng hồ sơ trả kết quả của đơn vị tại Bộ phận Một cửa cấp xã. Tính tỷ lệ % số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng hồ sơ trả kết quả của đơn vị tại Bộ phận Một cửa cấp xã (đối với danh mục TTHC thực hiện trả kết quả qua dịch vụ BCCI); Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1;</li> <li>- Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ: 0,5;</li> <li>- Dưới 10% số hồ sơ: 0</li> </ul>	Số liệu trên hệ thống phần mềm dịch vụ công từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023.	1



56	7.4.1	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng	<p><b>-Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của đơn vị từ ngày 15/9/2022-15/9/2023. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Từ 90% - 100% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 90% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê tổng số văn bản, hồ sơ công việc của đơn vị trong năm (số liệu từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023; số hồ sơ thực hiện trên môi trường mạng.</li> <li>- Hình ảnh văn bản đi, văn bản đến trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH của cơ quan đến ngày 15/9/2023;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</li> </ul>	1
57	7.4.2	Tỷ lệ văn bản đi được ký số của UBND cấp xã	<p><b>-Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đi được ký số và tổng số văn bản đi của đơn vị đến 15/9/2023. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Từ 90% - 100% văn bản đi được ký số/tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật): 1</li> <li>- Dưới 90% văn bản đi được ký số/tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật): 0</li> </ul>	<p>Thống kê số văn bản đi được ký số và tổng số văn bản đi của đơn vị (số liệu từ ngày 15/9/2022 - 15/9/2023).</p>	1
58	7.5	Kết quả xử lý phản ánh hiện trường của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường của tỉnh	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ số phản ánh đã được xử lý so với tổng số phản ánh hiện trường của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường của tỉnh. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% phản ánh được xử lý theo quy định: 1;</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% phản ánh được xử lý thì điểm đánh giá tính theo công thức (Tỷ lệ % phản ánh được xử lý x 0,75)/100%;</li> <li>- Dưới 90% phản ánh được xử lý theo quy định: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê kết quả xử lý phản ánh hiện trường của đơn vị trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường của tỉnh (số liệu từ ngày 15/9/2022-15/9/2023);</li> <li>- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</li> </ul>	1

59	7.6.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số TTHC công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015, nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% TTHC đã được UBND tỉnh phê duyệt đã được công bố: 1;</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% TTHC đã được UBND tỉnh phê duyệt đã được công bố: 0,5;</li> <li>- Dưới 90% TTHC đã được UBND tỉnh phê duyệt đã được công bố: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015</li> <li>- Hình ảnh niêm yết tại cơ quan, hình ảnh (hoặc đường dẫn) đăng tải trên trang thông tin điện tử</li> </ul>	1
60	7.6.2	Công bố ISO 9001 theo quy định	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã Công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015 thì điểm đánh giá là 1 điểm;</li> <li>- Chưa công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015 thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015</li> <li>- Hình ảnh niêm yết tại cơ quan, hình ảnh (hoặc đường dẫn) đăng tải trên trang thông tin điện tử</li> </ul>	1
61	7.6.3	Thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy trình thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Thực hiện chưa đầy đủ và chưa đúng quy trình: 0</li> </ul>	<p>Báo cáo năm 2022 việc triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN theo mẫu hướng dẫn cấp trên ban hành.</p>	1

62	7.7.1	Thực hiện Công tác quản lý văn bản đi, văn bản đến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH)	<p><b>- Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số văn bản đi; văn bản đến cơ quan. Tính tỷ lệ số văn bản đi, đến được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH của cơ quan. Nếu:</p> <p>'- 100% văn bản được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Từ 60% đến dưới 100% văn bản được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>- Dưới 60% văn bản được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Thống kê số lượng văn bản của cơ quan.</p> <p>- Hình ảnh văn bản đi, văn bản đến trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH của cơ quan (tính đến ngày 15/9/2023)</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>	1
63	7.7.2	Lập Danh mục hồ sơ UBND cấp xã	<p><b>Yêu cầu:</b> Ban hành Danh mục hồ sơ cơ quan và được cập nhật trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH. Nếu:</p> <p>- Đã ban hành Danh mục hồ sơ của cơ quan và cập nhật Danh mục trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Lập hồ sơ theo Danh mục hồ sơ nhưng chưa cập nhật Danh mục trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>- Chưa thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Danh mục hồ sơ cơ quan năm 2023;</p> <p>- Hình ảnh chứng minh Danh mục hồ sơ cơ quan được cập nhật trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH;</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>	1
64	7.8	Chất lượng Trang thông tin điện tử của địa phương	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <p>- Thông tin cập nhật đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1;</p> <p>- Thông tin cập nhật đầy đủ, đúng quy định nhưng một số nội dung chưa kịp thời: 0,5;</p> <p>- Thông tin cập nhật không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không kịp thời: 0</p>	<p>- Đường dẫn Trang thông tin điện tử của địa phương;</p> <p>- Minh chứng một số tin mới nhất, cập nhật gần nhất trong năm 2023.</p>	1

65	8.1	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của xã theo Kế hoạch được HĐND huyện giao	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện thu ngân sách của xã theo kế hoạch được HĐND cấp huyện giao. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu ngân sách của năm 2022 và của 9 tháng đầu năm 2023 đạt chỉ tiêu từ 70% trở lên: 2;</li> <li>- Thu ngân sách của năm 2022 và của 9 tháng đầu năm 2023 đạt chỉ tiêu từ 50% - dưới 70%: 1</li> <li>- Thu ngân sách của năm 2022 và của 9 tháng đầu năm 2023 đạt chỉ tiêu dưới 50%: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thu ngân sách của xã năm 2022;</li> <li>- Báo cáo 9 tháng (số liệu đến ngày 30/9/2023);</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác nếu có.</li> </ul>	2
66	8.2	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND xã và UBND huyện giao	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê tỷ lệ % các chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch phát triển KTXH năm 2022. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% chỉ tiêu của năm 2022 đạt và vượt: 2;</li> <li>- Từ 85% - dưới 100% chỉ tiêu của năm 2022 đạt và vượt: 1;</li> <li>- Dưới 85% chỉ tiêu của năm 2022 đạt và vượt: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2022;</li> <li>- Các báo cáo khác có chứa thông tin số liệu kiểm chứng;</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác nếu có.</li> </ul>	2
<b>Tổng cộng</b>					<b>70</b>